
*Bản án số: 01/2018/HSST
Ngày 26 tháng 01 năm 2018*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc
Các hội thẩm nhân dân:
Ông: Hoàng Quốc Trị.
Ông Đinh Công Hiến.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/HSST, ngày 03/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/HSST-QĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Ngọc T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1986 tại L, N, N.

Nơi cư trú ; Xóm 4, xã L, huyện N, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Trương Văn C và bà Lưu Thị D, vợ con chưa có; tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 07/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, ngày 13/8/2017 T chấp hành xong quyết định trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 10/11/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Ngọc T là đối tượng sử dụng ma túy. Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09/11/2017, T đi xe mô tô BKS 35N1- 035.08 đi từ nhà đến khu vực xã Y, huyện Y, tỉnh N với mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại bến đò xã Y, T gặp và mua của một người phụ nữ tên là O không rõ họ, địa chỉ đứng ở ven đường 01 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng với giá 300.000 đồng. T cầm gói nhỏ vừa mua được cất dấu vào túi quần phía trước bên trái rồi điều khiển xe mô tô quay về. Khoảng 15 giờ cùng ngày khi T về đến bến đò Gián Khẩu thuộc thôn 1, xã G, huyện G thì gặp tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G đang làm nhiệm vụ. Biết không thể che giấu hành vi cất giấu trái phép chất ma túy của mình nên T tự

nguyên lấy gói nhỏ vừa mua được trong túi quần phía trước bên trái giao nộp cho tổ công tác và khai nhận bên trong gói nhỏ đó là Heroine mình vừa mua về để sử dụng. Tiến hành kiểm tra gói nhỏ gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng thu giữ của T thấy bên trong gói nhỏ là chất bột kết tinh dạng cục màu trắng.

Quá trình điều tra vụ án, Trương Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT- VKS, ngày 31/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Trương Ngọc T ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự(BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Ngọc T phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”. Áp dụng Điều 249 khoản 1 điểm c, Điều 51 khoản 1 điểm r, s BLHS năm 2015(Sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/11/2017. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS 2005: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì dán kín niêm phong bên trong đựng vật chứng còn lại gồm: 01 vỏ giấy bạc màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 phong bì ghi số 219/2017/GĐMT-PC54-MT được niêm phong theo quy định bên trong có 0,1408 gam chất bột dạng cục màu trắng là chất ma túy loại Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

Về tố tụng: - Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện G đã lập biên bản vi phạm hành chính; tiến hành niêm phong vật chứng là mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu M; ra quyết định trưng cầu cân xác định khối lượng và giám định về ma túy đối với mẫu M; ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định khởi tố bị can; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; quyết định phân công Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra tiến hành khởi tố, điều tra vụ án hình sự; quyết định phân công điều tra viên, cán bộ điều tra tiến hành điều tra vụ án hình sự; ra lệnh bắt bị can để tạm giam; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam; ra lệnh nhập kho vật chứng, phiếu nhập kho vật chứng; lập biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, ra quyết định xử lý vật chứng; lập biên bản trả lại đồ vật, tài liệu; khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng khác đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can, giải thích quyền và nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng khác; ra bản kết luận điều tra; tiến hành lập biên bản bàn giao các văn bản tố tụng cho bị can, người tham gia tố tụng khác, bàn giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm

sát nhân dân huyện G đều đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS).

- Trong quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; ra quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam bị can; tiến hành giao Cáo trạng cho bị can theo đúng quy định của BLTTHS.

- Tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng, việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ 293 của BLTTHS tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Xuất phát từ việc nghiện ma túy từ lâu và muốn có ma túy để sử dụng cho bản thân nên khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09/11/2017, T điều khiển xe mô tô BKS 35N1- 035.08 đi từ nhà đến khu vực bên đò xã Y, huyện Y, tỉnh N với mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây bị cáo gặp và mua của một người phụ nữ tên là O không rõ họ, địa chỉ đứng ở ven đường 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng với giá 300.000 đồng. T đã mở ra kiểm tra và thấy có chứa ít chất bột kết tinh dạng cục màu trắng, T cầm gói nhỏ vừa mua được cất dấu vào túi quần phía trước bên trái rồi điều khiển xe mô tô quay về. Khoảng 15 giờ cùng ngày khi T về đến bến đò Gián Khẩu thuộc thôn 1, xã G, huyện G thì gặp tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G đang làm nhiệm vụ. Bị cáo đã tự nguyện lấy gói nhỏ vừa mua được trong túi quần phía trước bên trái giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận bên trong gói nhỏ đó là Heroine mình vừa mua về để sử dụng. Tiến hành kiểm tra gói nhỏ gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng thu giữ của T thấy bên trong gói nhỏ là chất bột kết tinh dạng cục màu trắng.

Ngày 10/11/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N tiến hành cân xác định khối lượng chất bột thu giữ của bị cáo mẫu ký hiệu M. Kết quả gói ký hiệu M có khối lượng 0,1915 gam; Tại bản kết luận giám định số 219/KLGD-PC54-MT, ngày 10/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: ***Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M là chất ma túy, loại Heroine. Heroine có số thứ tự 20, Thuộc danh mục I, STT:67; Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.***

Rõ ràng bị cáo đã có hành vi cất dấu 0,1915 gam ma túy, loại Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, khối lượng Heroine mà bị cáo tàng trữ cũng như thời điểm ban hành Cáo trạng là ngày 31/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa do BLHS năm 2015(Sửa đổi bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực thi hành nên ông Kiểm sát viên đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm c

khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để áp dụng điều khoản nhẹ hơn, có lợi cho bị cáo là hoàn toàn chính xác, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Ma túy là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma túy mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma túy một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, mặt khác ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy. Bị cáo đang có 01 tiền sự bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng mới chấp hành xong quyết định chưa lâu, chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân xấu, có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự thú khái báo ra hành vi phạm tội của mình. Do hai tình tiết giảm nhẹ này quy định tại BLHS năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có gì thay đổi so với BLHS năm 1999 nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đảm bảo tính thống nhất khi vận dụng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 vỏ giấy bạc màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 phong bì ghi số 219/2017/GĐMT-PC54-MT được niêm phong theo quy định bên trong có 0,1408 gam chất bột dạng cục màu trắng là chất ma túy loại Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô BKS 35N1- 035.08 nhãn hiệu Honda wave RSX đã điều tra xác định rõ là tài sản hợp pháp của chị Trương Thị Thu H, việc T sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy chị H không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy nêu trên cho chị H là phù hợp.

Đối với người phụ nữ không rõ lai lịch bán Heroine cho bị cáo tại khu vực bến đò xã Y, huyện Y, tỉnh N. Do bị cáo không biết rõ họ, địa chỉ cụ thể của người phụ nữ này nên Cơ quan điều tra Công an huyện G không thể xác minh, làm rõ nên không có căn cứ xử lý trong vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Trương Ngọc T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ xung năm 2017) .

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/11/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS năm 2015(sửa đổi, bổ xung năm 2017):

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ giấy bạc màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 phong bì ghi số 219/2017/GĐMT-PC54-MT được niêm phong theo quy định bên trong có 0,1408 gam chất bột dạng cục màu trắng là chất ma túy loại Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu (*Đặc điểm Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, ngày 03/01/2018*).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. ,

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh N;
- CQĐT Công an huyện G;
- Thi hành án dân sự H. G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc